| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 157/2020/DS - PT
Ngày: 30 – 12 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Tăng Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLPT – DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2020/DS – ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 207/2020/QĐ – PT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Trường A, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 203, đường H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1996; địa chỉ: Đường N, khóm B, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/10/2020). (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Y (Tên gọi khác là Q), sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn C, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C:* Bà Phạm Kim Ê, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2020).

(Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

2. Bà Võ Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị T, 65 tuổi; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lý Thị Trường A là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Lý Thị Trường A trình bày:*

Nguyên vào ngày 28/12/2004 âm lịch, bà A có cho bà Y mượn số tiền 7.532.000 đồng và 01 lượng 05 chỉ vàng loại vàng 24k, tiếp đến ngày 15/4/2019 bà Y tiếp tục mượn thêm số tiền 39.768.000 đồng và 07 lượng 09 chỉ 02 phân vàng 24k, khi mượn lần đầu không có làm biên nhận, chỉ ký nhận khi bà Y mượn lần thứ hai, biên nhận lập tại nhà bà Y, bà Y ghi "đã xem hiểu và chấp nhận", ký và ghi họ tên "Nguyễn Thị Q", ông C ký chữ thập vào biên nhận, còn lại các nội dung khác trên giấy nợ gồm chữ viết, chữ số là của bà A viết, việc vay giữa các bên không có thỏa thuận tính lãi, thỏa thuận khi nào bà A có nhu cầu thì vợ chồng bà Y trả lại.

Từ khi vay cho đến nay vợ chồng bà Y không có trả cho bà A bất cứ khoản tiền, vàng nào, bà A đã nhiều lần đến gặp và yêu cầu bà Y, ông C trả nợ nhưng bà Y hứa hẹn nhiều lần mà không trả nên bà A mới khởi kiện.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Y và ông C trả số tiền 47.300.000 đồng và 09 lượng 04 chỉ 02 phân vàng 24k.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Y đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C là bà Phạm Kim Ê trình bày*:

Nguyên trước đây vào năm 2004, bà Y có mua bán phân bón với bà A và nợ tiền phân, tiền vay tổng cộng 7.532.000 đồng, ngoài ra có vay 01 lượng 05 chỉ vàng 24k, thỏa thuận lãi 3%/tháng, bà A có ghi sổ đưa bà Y giữ, chữ trong sổ do bà A viết. Còn số tiền 39.768.000 đồng và 07 lượng 09 chỉ 02 phân vàng 24k là không có vay như bà A trình bày, đó là khoản lãi. Vào tháng 4/2019, bà A có cho người xuống đòi nợ và bắt vợ chồng bà Y ký vào giấy nợ, lúc đưa bà Y ký là tờ giấy còn bỏ trống khoản giữa, phần đầu chỉ ghi "Dì Q chú tư X", ở giữa bỏ trống và kêu bà Y ghi và ký tên phía dưới, ông C thì gạch thập.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Y, ông C không đồng ý, chỉ đồng ý trả tiền là 15.000.000 đồng (Gồm tiền vay 7.532.000 đồng và còn lại là tiền lãi) vàng là trả 01 lượng 05 chỉ vàng loại 24k.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2020/DS – ST ngày 28/9/2020 đã quyết định:

Áp dụng Điều 476, 474 Bộ luật dân sự 2005, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Trường A.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Y và ông Phạm Văn C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lý Thị Trường A tổng cộng số tiền là 103.722.800 đồng (Một trăm lẻ ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn tám trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lý Thị Trường A yêu cầu bà Nguyễn Thị Y và ông Phạm Văn C có nghĩa vụ trả số tiền 22.027.200 đồng và 07 lượng 09 chỉ 02 phân vàng 24k.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án không chịu thi hành trả số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi chậm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2020, nguyên đơn bà Lý Thị Trường A có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2020/DS – ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Y và ông C có trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền đã vay là 47.300.000 đồng và 09 lượng 04 chỉ 02 phân vàng 24k.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà A không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng vào ngày 28/12/2004 Âl bà A cho bà Y vay lần đầu là 01 lượng 05 chỉ vàng 24k và số tiền 7.532.000 đồng, không có tính lãi; đến ngày 15/4/2019 Âl, cho vay lần thứ hai và viết giấy nhận nợ cùng ngày, vay 07 lượng 09 chỉ 02 phân vàng 24k và số tiền 39.768.000 đồng, không có tính lãi. Từ khi vay lần đầu đến lần vay thứ hai và khi vay lần thứ hai đến nay bà Y không có trả vốn, lãi cho bà A; các đương sự không có sự thỏa thuận nào liên quan đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên

tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà A và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn bà Lý Thị Trường A vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; bị đơn bà Nguyễn Thị Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C; người đại diện hợp pháp của bà Y, ông C là bà Phạm Kim Ê và người làm chứng ông Nguyễn Hoàng Đ, bà Võ Thị L, bà Nguyễn Thị T đều vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bà A là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Về tên gọi khác của bị đơn bà Y: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2019 (BL số 34), Sổ mua bán phân bón (BL từ số 40 – 47), Bản tự khai ngày 19/8/2019 (BL số 50) đều thể hiện tên gọi khác của bà Y là "Q". Không có tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện tên gọi khác của bà Y là "K". Do đó, một số văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, kể cả Bản án dân sự sơ thẩm xác định tên gọi khác của bà Y tên "K", là chưa chính xác, nên HĐXX phúc thẩm xác định lại tên gọi khác của bà Y là "Q" thì mới phù hợp.

[4] Xét kháng cáo của bà A về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Y và ông C có trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền đã vay là 47.300.000 đồng và 09 lượng 04 chỉ 02 phân vàng 24k. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A là có căn cứ và hợp pháp, bà A cung cấp giấy ký nhận nợ ghi: Dì Q ngày 28/12/2004 Âl 01 cây 05 chỉ 24k (3F) + 7.532.000 đồng (3F); ngày 15/4/2019 Âl (Có 04 năm nhuần) 14 năm 08 tháng, đánh đấu mũi tên 07 cây 09 chỉ 02 phân và đánh đấu mũi tên 39.768.000 đồng, cộng lại = 47.300.000 đồng và 09 cây 04 chỉ 02 phân; bên trái phía dưới ghi "Đã xem và hiểu chấp nhận, ký tên Q, ghi rõ họ tên Nguyễn Thị Q và dấu gạch thập phía dưới họ tên của bà Q (BL số 12). Bà Y thừa nhận do bà ký tên "Q" và ghi rõ họ tên (BL số 34), còn ông C thì gạch thập. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn bà Y chỉ thừa nhận có vay của bà A tổng số tiền 7.532.000 đồng và 01 lượng 05 chỉ vàng 24k vào ngày 28/12/2004 Âl, không thừa nhận có vay của bà A 07 lượng 09 chỉ 02 phân vàng 24k và số tiền 39.768.000 đồng vào ngày 15/4/2019 Âl. Theo Giấy nhận nợ do nguyên đơn bà A xuất trình thể hiện rõ "Dì Q ngày 28/12/2004 Âl 01 cây 05 chỉ 24k (3F) + 7.532.000 đồng (3F)"; đây là số tiền và vàng vay với lãi suất là 3 phần trăm/tháng như các bên trình bày. Còn phía dưới ghi "Ngày 15/4/2019 Âl (Có 04 năm nhuần) 14 năm 08

tháng, đánh đấu mũi tên 07 cây 09 chỉ 02 phân và đánh đấu mũi tên 39.768.000 đồng", số vàng và tiền này không thể hiện lãi suất vay là bao nhiêu và cũng không thể hiện bị đơn bà Y có nhận số vàng và tiền như vừa nêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà A xác định: Từ khi vay lần đầu đến lần vay thứ hai và khi vay lần thứ hai đến nay bà Y không có trả vốn, lãi cho bà A; như vậy, từ khi vay lần đầu đến lần vay thứ hai là 14 năm 08 tháng, nhưng bà Y không trả vốn và lãi thì không có lý gì lại cho vay thêm vàng và tiền như đã nêu trên. Mặt khác, số vàng và tiền như vừa nêu là phù hợp với lãi suất trong 14 năm 08 tháng của số vàng vay 01 lượng 05 chỉ vàng 24k và số tiền vay là 7.532.000 đồng. Do đó, HĐXX xác định 07 lượng 09 chỉ 02 phân vàng 24k và số tiền 39.768.000 đồng là vàng và tiền lãi được tính ra trong 14 năm 08 tháng, không phải là vàng và tiền vay thêm như nguyên đơn bà A trình bày. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà A cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho kháng cáo của bà A là có căn cứ và hợp pháp. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A là đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định tại mục [4] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà A là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, đối với chi phí giám định số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Y phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng trong phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm chưa tuyên chi phí số tiền này, nên HĐXX phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên bà A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà A và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 92, 1 Điều 148, khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lý Thị Trường A.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2020/DS – ST ngày 28/9/2020, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

*- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Trường A. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Y và ông Phạm Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Lý Thị Trường A tổng cộng số tiền là 103.722.800 đồng (Một trăm linh ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn tám trăm đồng).*

*- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Trường A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Y và ông Phạm Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 22.027.200 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng) và 07 (Bảy) lượng 09 (Chín) chỉ 02 (Hai) phân vàng 24k.*

*- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.*

*- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y và ông Phạm Văn C cùng có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.186.140 đồng (Năm triệu một trăm tám mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi đồng). Bà Lý Thị Trường A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 21.449.728 đồng (Hai mươi mốt triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.430.000 đồng (Mười triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008269, ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Lý Thị Trường A phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm số tiền 11.019.728 đồng (Mười một triệu không trăm mười chín nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng).*

*- Về chi phí giám định: Chi phí số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Y phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); như vậy, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Y tiền tạm ứng chi phí giám định số tiền 4.850.000 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), nhận tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.*

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thị Trường A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003317, ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Lý Thị Trường A đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THA tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Văn Toàn**